

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Quốc.
2. Ông Trần Đức Trình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Tứ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn V, xã D, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế: Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Chế Quang P, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn V, xã D, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 3 năm 2018 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị T cùng anh Chế Quang P trước khi kết hôn, hai người có tìm hiểu nhau một thời gian và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 3 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Hương Thủy (nay là thị xã HT), tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 03 người con chung. Đến cuối năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu bia và phá đồ đạc trong nhà, hai bên thường xuyên cãi vã, và có những lời lẽ xúc phạm nhau, thỉnh thoảng anh P có đánh Chị T. Vì không thể chung sống được với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Chị T đã cho anh P nhiều cơ hội để thay đổi tính tình, nhưng đến nay anh P vẫn thường xuyên uống rượu bia rồi gây

gỗ đánh đập chị T. Thấy vợ chồng không còn tình cảm, không ai quan tâm gì đến nhau, nên Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Chế Quang P.

Về con chung: Quá trình chung sống Chị Trần Thị T và anh Chế Quang P có 03 con chung tên là Chế T, sinh ngày 29/4/1995; Chế Quang M sinh ngày 24/10/1997 và Chế Quang L, sinh ngày 14/11/2013. Hiện nay cháu L đang ở với Chị T nên Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Riêng 02 cháu Chế T và Chế Quang M đã trên 18 tuổi, hiện nay đã đi làm nên ở với ai là quyền của các cháu. Hiện nay Chị T đang buôn bán thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Chị Trần Thị T trình bày vợ chồng không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng, phía bị đơn là anh Chế Quang P trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản đúng như chị Trần Thị T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào khoảng cuối năm 2017 khi anh P nghi ngờ Chị T không chung thủy, bức xúc nên khi uống rượu bia vào có đánh Chị T. Từ đó đến nay Chị T đã ra ở riêng và vợ chồng sống ly thân. Bản thân anh P vẫn còn tình cảm với Chị T, đã tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng như muốn các con sống chung có cả cha và mẹ nên anh P không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị T.

Về con chung: Nếu có ly hôn anh P đồng ý giao cháu Chế Quang L, sinh ngày 14/11/2013 cho Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành, anh P sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Đối với 02 cháu Chế T và Chế Quang M đã trên 18 tuổi, hiện nay đã đi làm nên ở với ai là quyền của các cháu

Hiện nay anh P đang làm nghề trồng rừng thu nhập mỗi tháng khoảng 3.000.000đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T được ly hôn với anh Chế Quang P; giao cháu L cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Chế Quang P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu L trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Chị T phải chịu án phí ly hôn và anh P chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Chế Quang P; anh P có địa chỉ cư trú tại thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Chế Quang P đã đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 3 năm 1994 được Ủy ban nhân dân xã D, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế nên quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh P là hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P nghi ngờ Chị T không chung thủy, anh P thường xuyên uống rượu bia và đánh Chị T. Nên anh P và Chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh P trình bày vẫn còn tình cảm với Chị T cũng nhưng vì muốn các con có đầy đủ cả cha lẫn mẹ nên anh P không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức các buổi hòa giải để tạo cơ hội nhằm mục đích giúp các đương sự giải quyết mâu thuẫn để trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm chăm lo cho con chung nhưng các bên không thỏa thuận được; anh P không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 03 người con chung là Chế Quang L, sinh ngày 14/11/2013; Chế Quang M sinh ngày 24/10/1997 và Chế T, sinh ngày 29/4/1995. Chị T và anh P thỏa thuận, khi ly hôn giao cháu L cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ; Còn 02 cháu Chế Quang M, Chế T đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của của các cháu.

[4] Về tài sản chung: Không có ai yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí. Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh Chế Quang P phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị T được ly hôn với bị đơn anh Chế Quang P.

2. Về con chung: Giao cháu Chế Quang L, sinh ngày 14/11/2013 cho cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi, hiện nay cháu L đang ở với Chị T). Đối với người con chung Chế Quang M sinh ngày 24/10/1997 và Chế T, sinh ngày 29/4/1995 đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh Chế Quang P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Chế Quang L đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì anh P còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/000435 ngày 30/3/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Chế Quang P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- UBND xã Dương Hòa,
Thị xã Hương Thủy;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Văn Hạnh